

Số: **22** /TB-ĐHKTL

Tp Hồ Chí Minh, ngày **20** tháng **5** năm 2021

## THÔNG BÁO

### Về việc kết quả Giải thưởng Nhà nghiên cứu khoa học trẻ UEL năm 2021

Căn cứ quyết định số 26/2014/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ;

Căn cứ quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ quyết định số 168/QĐ-ĐHKTL ngày 06 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Căn cứ quyết định số 385/QĐ-ĐHKTL ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc danh sách đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên tham gia Giải thưởng Nhà nghiên cứu khoa học trẻ UEL năm 2021;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng khoa học đánh giá đề tài NCKH sinh viên tham gia Giải thưởng Nhà nghiên cứu khoa học trẻ UEL năm 2021;

Phòng Sau đại học và Khoa học Công nghệ thông báo kết quả Giải thưởng “Nhà nghiên cứu khoa học trẻ UEL” cấp Trường năm 2021 (Giải thưởng), như sau:

- Số đề tài hoàn thành trong năm học 2020 - 2021: 131 đề tài
- Số đề tài đăng ký tham gia Giải thưởng: 42 đề tài
- Số đề tài tham dự Vòng chung kết Giải thưởng: 42 đề tài
- Số đề tài đạt Giải thưởng: 25 đề tài
- Danh sách đề tài đạt giải Giải thưởng: đính kèm theo thông báo

Mọi thắc mắc xin liên hệ Phòng Sau đại học và Khoa học Công nghệ, email: [phongsdh-khcn@uel.edu.vn](mailto:phongsdh-khcn@uel.edu.vn), số điện thoại: 02837244555-6511.

Trân trọng *./.*

**Nơi nhận:**

- BGH (báo cáo);
- Như trên;
- Lưu: VT, P. SDH&KHCN.

TL. HIỆU TRƯỞNG  
KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
  
Nguyễn Anh Tuấn

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2021

**DANH SÁCH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN ĐẠT GIẢI  
GIẢI THƯỞNG “NHÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRẺ UEL” NĂM 2021**

| STT | Lĩnh vực            | Mã DT      | Tên đề tài                                                                         | Nhóm sinh viên thực hiện                                                                                 | MSSV                                                                   | Lớp                                                     | Xếp hạng giải thưởng |
|-----|---------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------|
| 1   | Lĩnh vực Hành chính | SV 2021 85 | Xác lập quyền tác giả cho trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực hội họa tại Việt Nam     | Tân Trúc Hạnh Đoàn;<br>Nguyễn Hoàng Giang;<br>Nguyễn Thị Thùy Dung;<br>Nguyễn Thảo Linh; Trần Thanh Ngân | K185011529;<br>K185021645;<br>K185021640;<br>K185021658;<br>K185021665 | K18501;<br>K18502;<br>K18502;<br>K18502;<br>K18502      | Nhất                 |
| 2   | Lĩnh vực Hành chính | SV 2021 71 | Quyền được lãng quên dưới góc độ luật so sánh và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam  | Lê Như Bảo Trân;<br>Nguyễn Anh Thư; Hồ Phúc Nguyên; Trương Thị Như Quỳnh; Phạm Nguyễn Trúc Hạc           | K185041956;<br>K185041952;<br>K185041944;<br>K185041948;<br>K185041929 | K18504C;<br>K18504C;<br>K18504C;<br>K18504C;<br>K18504C | Nhì                  |
| 3   | Lĩnh vực Hành chính | SV 2021 75 | Pháp luật về dịch vụ thanh toán qua ví điện tử                                     | Nguyễn Thị Hương Giang; Tô Phương Nguyên ; Nhữ Ngọc Trâm Anh; Nguyễn Ngọc Kiều Trinh; Trần Thị Mỹ Hằng   | K185021721;<br>K185021671;<br>K185021716;<br>K185021748;<br>K185021724 | K18502C;<br>K18502C;<br>K18502C;<br>K18502C;<br>K18502C | Ba                   |
| 4   | Lĩnh vực Hành chính | SV 2021 86 | Đề xuất khung pháp lý cho quy trình thu hồi, xử lý và tái chế pin mặt trời thải bỏ | Lê Thị Hồng Đào;<br>Huỳnh Thị Mỹ Linh;<br>Nguyễn Thị Hằng; Võ Thị Thu Thảo; Văn Thị Thảo Vy              | K185021643;<br>K185011543;<br>K185021648;<br>K185021693;<br>K185021710 | K18502T;<br>K18501;<br>K18502;<br>K18502T;<br>K18502    | Ba                   |



| STT | Lĩnh vực            | Mã DT      | Tên đề tài                                                                                                                                                                | Nhóm sinh viên thực hiện                                                                      | MSSV                                                                   | Lớp                                                      | Xếp hạng giải thưởng |
|-----|---------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------|
| 5   | Lĩnh vực Hành chính | SV 2021 68 | Đạo luật Dodd - Frank và những khuyến nghị cho hoạt động cho vay ngang hàng tại Việt Nam                                                                                  | Lê Trung Hiếu ; Trương Ngọc Tú Quyên; Nguyễn Thái Ngân; Đỗ Hải Nam; Trần Như Minh Anh         | K195042317;<br>K195042299;<br>K195042294;<br>K195032186;<br>K195032168 | K19504CP;<br>K19504C;<br>K19504C;<br>K19503C;<br>K19503C | Khuyến khích         |
| 6   | Lĩnh vực Hành chính | SV 2021 84 | Quyền được chết - ranh giới giữa giúp người và giết người dưới góc độ pháp luật hình sự                                                                                   | Vũ Phạm Huyền Mỹ; Huỳnh Lê Bảo Trân; Nguyễn Thị Mỹ Ngọc; Nguyễn Thương Thư; Phạm Ngọc Hải Yến | K185011611;<br>K185011627;<br>K185011615;<br>K185011578;<br>K185021712 | K18501T;<br>K18501C;<br>K18501C;<br>K18501T;<br>K18502T  | Khuyến khích         |
| 7   | Lĩnh vực Kinh tế    | SV 2021 27 | Vốn con người (human capital) và tác động đối với năng suất lao động xã hội: tiếp cận từ giáo dục - y tế ở cấp độ tỉnh/thành tại Việt Nam bằng phương pháp S-GMM          | Đào Viết Thành; Hồ Ngọc Quân; Đặng Tường Phương Duy ;                                         | K194010107;<br>K194010105;<br>K194010087;                              | K19401C;<br>K19401C;<br>K19401C;                         | Nhất                 |
| 8   | Lĩnh vực Kinh tế    | SV 2021 4  | Tác động của chi số năng lực Logistics đến lượng phát thải khí CO <sub>2</sub> và nhóm các khí nhà kính còn lại tại Châu Á                                                | Nguyễn Hồng Sơn ; Chung Mỹ Hoa; Lê Minh Hằng;                                                 | K174080957 ;<br>K174080940;<br>K174080939 ;                            | K17408C;<br>K17408C;<br>K17408C;                         | Nhì                  |
| 9   | Lĩnh vực Kinh tế    | SV 2021 1  | Phân tích tác động của các biện pháp phi thuế quan đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU và đề xuất giải pháp trong bối cảnh hiệp định EVFTA có hiệu lực | Huỳnh Thị Thu Hiền; Đỗ Thị Kim Chi; Trần Văn Chiên; Hà Anh Thư;                               | K184020203;<br>K184020196;<br>K184020114;<br>K184020225;               | K18402C;<br>K18402C;<br>K18402T;<br>K18402C;             | Ba                   |
| 10  | Lĩnh vực Kinh tế    | SV 2021 6  | Tác động của chất lượng thể chế trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài                                                                                            | Huỳnh Thị Thu Ngân; Nguyễn Dương Ngọc Thắm; Ngô Phúc Thiên                                    | K184020149;<br>K184020172;<br>K184020169;                              | K18402;<br>K18402;<br>K18402T;                           | Khuyến khích         |

| STT | Lĩnh vực                     | Mã DT      | Tên đề tài                                                                                                                            | Nhóm sinh viên thực hiện                                                                           | MSSV                                                                   | Lớp                                                          | Xếp hạng giải thưởng |
|-----|------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------|
|     |                              |            | - nghiên cứu thực nghiệm tại ASEAN                                                                                                    | Thanh; Lê Huỳnh Hương; Phạm Thị Bảo Duyên                                                          | K184040365;<br>K185021642                                              | K18404A;<br>K18502                                           |                      |
| 11  | Lĩnh vực Quản lý giáo dục    | SV 2021 57 | Nghiên cứu các yếu tố tác động đến hiệu quả học trực tuyến của sinh viên trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh                           | Nguyễn Thị Kim Thoa; Trần Phước Đạt; Danh Phát Tài; Đào Trọng Giang; Đoàn Thảo Quỳnh My            | K194071036;<br>K194071012;<br>K194081232;<br>K194071013;<br>K194071022 | K19407CA;<br>K19407CA;<br>K19408CA;<br>K19407CA;<br>K19407CA | Nhất                 |
| 12  | Lĩnh vực Quản lý giáo dục    | SV 2021 5  | Các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn trường đại học: trường hợp tại Đại Học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh                            | Nguyễn Thị Thuỳ Dung ; Phan Thị Trà Giang; Nguyễn Minh Thư; Trương Quang Long; Nguyễn Thuỳ Anh Thư | K184081099;<br>K184081101;<br>K184081033;<br>K184081113;<br>K184081127 | K18408CA;<br>K18408CA;<br>K18408;<br>K18408CA;<br>K18408CA   | Nhì                  |
| 13  | Lĩnh vực Quản lý giáo dục    | SV 2021 26 | Các yếu tố tác động đến chất lượng học tập trực tuyến của sinh viên Đại Học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn COVID - 19 | Nguyễn Thị Tuyết Băng; Đàm Thị Thuỳ Nguyên; Hồ Thị Thùy Na; ;                                      | K184030307;<br>K184030325;<br>K184030322;                              | K18403C;<br>K18403C;<br>K18403C;                             | Ba                   |
| 14  | Lĩnh vực Quản trị Kinh doanh | SV 2021 53 | Các yếu tố của việc tài trợ chương trình sinh viên tác động đến nhận biết thương hiệu của sinh viên đối với tổ chức tài trợ           | Trần Gia Huy; Vũ Trí Đức; Phan Lam Quỳnh; Trần Thảo Nguyên; Nguyễn Thúy Vy                         | K194101504;<br>K194101503;<br>K194101483;<br>K194101507;<br>K194101514 | K194102C;<br>K194102C;<br>K194102C;<br>K194102C;<br>K194102C | Nhất                 |
| 15  | Lĩnh vực Quản trị Kinh doanh | SV 2021 48 | The dark triad personalities influencing entrepreneurial intention of university students: the case of Viet Nam                       | Trần Tú Anh; Lê Hữu Tuấn Anh; Trương Nhật Anh; Ngô Thị Thiên Thảo;                                 | K184070949;<br>K184091210;<br>K184070950;<br>K184101293;               | K18407CA;<br>K18409T;<br>K18407CA;<br>K18410T;               | Nhì                  |
| 16  | Lĩnh vực Quản trị Kinh doanh | SV 2021 63 | Tác động của trách nhiệm xã hội đến sự ủng hộ thương hiệu của khách                                                                   | Nguyễn Thúy Nhi; Đinh Thị Thùy Trang; Hàn Lê Yến Nhi; Đàm Quang                                    | K184101282;<br>K184101301;<br>K184101281;                              | K18410T;<br>K18410;<br>K18410;                               | Nhì                  |

| STT | Lĩnh vực                     | Mã DT       | Tên đề tài                                                                                                                             | Nhóm sinh viên thực hiện                                                                             | MSSV                                                                   | Lớp                                                     | Xếp hạng giải thưởng |
|-----|------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------|
|     |                              |             | hàng: vai trò của yếu tố cảm xúc và đạo đức                                                                                            | Minh; Nguyễn Thành Tâm                                                                               | K184070842;<br>K184070876                                              | K18407;<br>K18407                                       |                      |
| 17  | Lĩnh vực Quản trị Kinh doanh | SV 2021 2   | Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng xanh của người trẻ trên địa bàn thành phố hồ chí minh                                       | Trần Như Hào ; Nguyễn Khánh Linh; Phạm Lê Hoàng Khánh; Mai Trần Thanh Thanh;                         | K184081102;<br>K184081111;<br>K184081106;                              | K18408CA;<br>K18408CA;<br>K18408CA;<br>K18408CA;        | Khuyến khích         |
| 18  | Lĩnh vực Tài chính Kế toán   | SV 2021 125 | Ảnh hưởng của đa dạng giới trong hội đồng quản trị đến chi phí đại diện và hiệu suất doanh nghiệp: nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam | Lê Hữu Tuấn Anh; Ngô Thị Thiên Thảo; Phạm Nhật Quyên;                                                | K184091210;<br>K184101293;<br>K184091228;                              | K18409T;<br>K18410T ;<br>K18409T;                       | Nhất                 |
| 19  | Lĩnh vực Tài chính Kế toán   | SV 2021 119 | Tác động của ICT đến hiệu quả kỹ thuật của các doanh nghiệp tại Việt Nam                                                               | Bùi Thị Quỳnh Dao; Nguyễn Ngọc Vân Khánh; Lê Thị Thùy Huế; Nguyễn Lâm Thanh Ngân; Vũ Thụy Hồng Phước | K184040472;<br>K184040480;<br>K184040479;<br>K184040486;<br>K184040497 | K18404C;<br>K18404C;<br>K18404C;<br>K18404C;<br>K18404C | Nhì                  |
| 20  | Lĩnh vực Tài chính Kế toán   | SV 2021 120 | CEO ownership and corporate investment: the case in Vietnam                                                                            | Trần Thị Yến Nhi; Võ Phương Cẩm Tú; Lê Thị Thảo Anh; Trần Đoàn Mỹ Ái; Phạm Thị Giang                 | K194091289;<br>K194040456;<br>K194040465;<br>K194070884;<br>K194040401 | K194082C;<br>K19404A;<br>K19404B;<br>K19407;<br>K19404A | Ba                   |
| 21  | Lĩnh vực Tài chính Kế toán   | SV 2021 124 | Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của sinh viên Đại Học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh                | Cao Thị Ngọc Hà; Dương Thị Thảo Vy; Nguyễn Thanh Trúc; Nguyễn Thị Phương Thảo; Đỗ Văn Tuyền          | K184040478;<br>K184040512;<br>K184040507;<br>K194040510;<br>K194040520 | K18404C;<br>K18404C;<br>K18404C;<br>K19404B;<br>K19404B | Khuyến khích         |
| 22  | Lĩnh vực Tin học Quản lý     | SV 2021 91  | Đề xuất mô hình phân tích và dự đoán hiệu suất kinh doanh tiếp cận theo phương pháp RFM kết                                            | Phạm Thanh Tú; Nguyễn Song Hiếu; Lê Thị Thanh Vân; Nguyễn Ngọc Phương Uyên;                          | K174060728;<br>K174060700;<br>K174060729;<br>K194060879;               | K17406C;<br>K17406C;<br>K17406C;<br>K19406C;            | Nhất                 |

| STT | Lĩnh vực                 | Mã DT       | Tên đề tài                                                                                     | Nhóm sinh viên thực hiện                                                                  | MSSV                                                                   | Lớp                                                    | Xếp hạng giải thưởng |
|-----|--------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------|
|     |                          |             | hợp gom cụm không giám sát                                                                     |                                                                                           |                                                                        |                                                        |                      |
| 23  | Lĩnh vực Tin học Quản lý | SV 2021 94  | Thiết kế trợ lý ảo hỗ trợ học tập cho sinh viên ngành tài chính - ngân hàng                    | Phạm Thị My Ni; Phạm Thị Ngọc Thảo; Nguyễn Trúc Linh; Lý Bảo Tuyền; Nguyễn Hà Phương Trúc | K184111404;<br>K184111417;<br>K194141727;<br>K184111434;<br>K184060765 | K18411T;<br>K18411T;<br>K19414C;<br>K18411;<br>K18406T | Nhi                  |
| 24  | Lĩnh vực Tin học Quản lý | SV 2021 111 | Phân tích, thiết kế và xây dựng ứng dụng di động MYUEL                                         | Tạ Nguyễn Phú Lộc; Nguyễn Huy Hoàng; Nguyễn Thị Ngọc Ánh;                                 | K194111543;<br>K194111537;<br>K194111519;                              | K19411T;<br>K19411;<br>K19411T;                        | Ba                   |
| 25  | Lĩnh vực Tin học Quản lý | SV 2021 99  | Phân tích và thiết kế y bạ điện tử ứng dụng trong việc khám sức khỏe định kỳ của sinh viên UEL | Trần Huyền Mơ Mơ; Bùi Thị Thảo; Nguyễn Vũ Minh Thủy; Nguyễn Thị Thu Thảo;                 | K184060794;<br>K184060803;<br>K184060806;<br>K184060804;               | K18406C;<br>K18406C;<br>K18406C;<br>K18406C;           | Khuyến khích         |

23

